

Ảnh hưởng của tự do hóa tài chính đến hệ thống ngân hàng Việt Nam

Thạc sĩ LÊ TẤN PHƯỚC

Nhà nay trong sự phát triển và hội nhập nhanh chóng nền kinh tế của các quốc gia trên thế giới đã cho thấy sự tăng trưởng kinh tế nhanh hay chậm hoặc suy thoái đều phụ thuộc rất nhiều vào chính sách cũng như cơ cấu của hệ thống tài chính mỗi quốc gia. Xu hướng được nhiều quốc gia trên thế giới lựa chọn thực hiện là tiến hành tự do hóa tài chính. Việc tự do hóa tài chính bao gồm các nội dung cơ bản như xóa bỏ các hạn chế, định hướng hay ràng buộc về số lượng trong quá trình cấp và phân phối tín dụng, chấm dứt các kênh cấp vốn ưu đãi, các định chế tài chính có quyền tự do xác định các lãi suất tiền gửi, cho vay và tự do sử dụng công cụ lãi suất, mở rộng cạnh tranh trong các hoạt động trung gian tài chính, chấm dứt những phân biệt đối xử về pháp lý giữa các loại hình sở hữu và hoạt động khác nhau và tự do hóa các luồng vốn quốc tế. Khi tự do hóa tài chính các dòng vốn được tự do lưu chuyển từ nơi có hiệu suất sinh lợi thấp sang nơi có hiệu suất sinh lợi cao mà không bị ngăn cản bởi các qui định phi kinh tế.

Trong môi trường quốc tế hóa một cách mạnh mẽ về mọi mặt như hiện nay, VN cũng không thể đứng ngoài tiến trình toàn cầu hóa, để hội nhập vào xu hướng chung này VN cần từng bước thực hiện tự do hóa trên nhiều phương diện trong đó tự do hóa tài chính có ảnh hưởng rất quan trọng đến sự phát triển của kinh tế đất nước.

1. Hệ thống ngân hàng VN trong tiến trình thực hiện chính sách tự do hóa tài chính

Hệ thống ngân hàng VN là trung tâm tài chính cốt lõi của nền kinh tế quốc gia, nó là trọng tâm của việc thực thi các chính sách tài chính tiền tệ của nhà nước, nhìn vào thực trạng hoạt động của hệ thống ngân hàng, ta có thể đánh giá được

hiệu quả của hệ thống tài chính và sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

2. Những tồn tại trong tiến trình thực hiện tự do hóa tài chính

2.1 Vấn đề lãi suất

Việc áp dụng cơ chế tự do hóa lãi suất đã tạo điều kiện tốt cho sự phát triển của hệ thống ngân hàng và là bước tiến quan trọng của quá trình tự do hóa tài chính ở VN. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi tích cực thì việc thực hiện tự do hóa lãi suất trong thời gian qua cũng nảy sinh một số vấn đề bất cập trong quản lý lãi suất và khó khăn cho hệ thống ngân hàng VN như việc NHNN công bố lãi suất cơ bản nhằm định hướng lãi suất thị trường trong thời gian qua đã bộc lộ những hạn chế, các NHTM cổ phần tiềm lực về tài chính còn hạn chế phải đối mặt khi tiến hành tự do hóa lãi suất.

2.2 Hệ thống pháp lý và kế toán - kiểm toán

- Hệ thống pháp lý: Tuy đã có những sửa đổi nhất định để hoàn thiện hành lang pháp lý, nhưng thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống còn thấp, sức cạnh tranh còn khoảng cách xa so với các nước trong khu vực và trên thế giới ...

- Kế toán - kiểm toán: Chúng ta đã có Luật kế toán và Luật kiểm toán nhưng hoạt động kế toán, kiểm toán ở VN vẫn chưa đạt đến qui mô mà tiến trình phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi.

2.3 Điều hành tỷ giá hối đoái

Xung quanh vấn đề tỷ giá ở VN hiện nay, các nhà nghiên cứu kinh tế cho rằng: Giá trị đồng VN đã bị đánh giá quá cao so với ngoại tệ, như vậy, trước hết nó sẽ làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa VN trên thị trường quốc tế, ảnh hưởng xấu đến hoạt động xuất nhập khẩu, sau đó làm NHNN khó điều hành chính sách tiền tệ.

2.4 Hệ thống ngân hàng

Trong thời gian qua, Nhà nước đã có những thay đổi về chính sách giúp cho hệ thống ngân hàng VN tiến gần hơn đến điều kiện đủ cho thành công của tự do hóa tài chính. Tuy nhiên, hệ thống ngân hàng VN còn nhiều yếu kém trên các mặt

a. Quản lý yếu kém

Vấn đề điều hành, quản lý hoạt động ngân hàng từ NHNN đến các NHTM chiếm vị trí quan trọng trong việc quyết định hoạt động hiệu quả và tính lành mạnh của hệ thống, nhất là đối với NHTM trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường và chấp nhận cơ chế kinh doanh bình đẳng.

Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa được chú ý đúng mức ở các NHTM, trong một số ngân hàng, bộ phận kiểm soát nội bộ tồn tại mang tính hình thức, không phát hiện được những sai sót của bộ phận điều hành hoặc nếu có phát hiện ra thì cũng không xử lý được. Đây là vấn đề mà hệ thống ngân hàng VN cần có biện pháp khắc phục vì nó liên quan mật thiết đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng, nhất là trong vấn đề quản lý lãi suất của hoạt động tín dụng.

b. Tính cạnh tranh thấp

Hiện nay, NHTMQD vẫn chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống ngân hàng mà khách hàng của khu vực này chủ yếu vẫn là các DNNN, điều này khiến cho việc cải cách hoạt động của các NHTMQD sang kinh doanh trên cơ sở thương mại thực sự và tạo môi trường kinh doanh bình đẳng trong lĩnh vực ngân hàng gặp khó khăn. Sự bảo trợ công khai hay ngầm ngấm của Nhà nước đối với các DNNN trong việc vay vốn ngân hàng vẫn còn tồn tại đồng nghĩa với việc phát huy tác dụng của các qui luật kinh tế thị trường trong lĩnh vực này bị cản trở, dẫn đến tính cạnh tranh trong khu vực NHTMQD còn thấp.

3. Giải pháp cho vấn đề tự do hóa tài chính và cơ cấu lại hệ thống ngân hàng ở VN

3.1 Sử dụng công cụ lãi suất trong quản lý vĩ mô

3.1.1 Công cụ điều tiết lãi suất

Lãi suất là một trong những công cụ được các chính phủ sử dụng trong quản lý vĩ mô nền kinh tế nhất là trong cơ chế thị trường, nó kích thích tập trung

nguồn lực tài chính và phân bổ nguồn lực đó một cách có hiệu quả, thúc đẩy nền kinh tế phát triển, ổn định mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia.

3.1.2 Sử dụng hiệu quả công cụ lãi suất

Trên cơ sở kinh nghiệm thực tế của một số nước trên thế giới về việc sử dụng công cụ lãi suất trong điều hành chính sách tài chính, tiền tệ thì việc lựa chọn lãi suất nào là cơ bản, có tính chất tác động đến lãi suất thị trường phụ thuộc vào điều kiện phát triển của thị trường tài chính tiền tệ của quốc gia. Hiện tại, việc sử dụng các loại lãi suất trên thị trường liên ngân hàng của NHNN VN mang tính chất hình thức do độ nhạy cảm của các lãi suất này đối với thị trường thấp; vấn đề được đặt ra là làm thế nào để lựa chọn lãi suất chủ đạo với điều kiện lãi suất này phản ánh đúng quan hệ cung cầu vốn trên thị trường, đồng thời có tác dụng điều chỉnh lãi suất thị trường theo mục tiêu của chính sách tiền tệ.

a. Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng

Mặc dù thị trường liên ngân hàng đã được thiết lập và hoạt động được một thời gian, nhưng đối với các NHTM thì thị trường liên ngân hàng chưa phải là nơi có thể sẵn sàng cung cấp nguồn vốn thiếu hụt, các nghiệp vụ được thực hiện trên thị trường này còn ít nên chưa hình thành được lãi suất IBOR. Đối với một thị trường liên ngân hàng phát triển, các NHTM phải tính toán kỹ lưỡng vốn thừa hay thiếu trong ngắn hạn để có thể xác định mức vay hoặc cho vay của mình trên thị trường liên ngân hàng một cách chính xác, và khi giao dịch trên thị trường này, bắt buộc phải theo thực hiện lãi suất mình đã công bố. Vì vậy, muốn hình thành lãi suất IBOR và nó có tác dụng trong việc điều tiết lãi suất thị trường theo đúng mục tiêu thì việc thúc đẩy hoạt động của thị trường này của NHNN là vấn đề quan trọng.

b. Lãi suất trên thị trường mở

Nghiệp vụ thị trường mở được nhiều nước trên thế giới sử dụng rất hiệu quả trong việc điều tiết thị trường tiền tệ cũng như định hướng lãi suất trên thị trường do lãi suất trên thị trường này khá sát và nhạy với lãi suất thị trường, bên cạnh đó các nghiệp vụ trên thị trường mở dễ dàng được sửa chữa hơn nếu NHNN phát hiện sai sót so với

nghiệp vụ trên thị trường liên ngân hàng, quan trọng nhất là khả năng thực hiện các nghiệp vụ trên thị trường này có thể đáp ứng yêu cầu về cung ứng vốn, đủ sức điều chỉnh lãi suất trên thị trường một cách hữu hiệu, nhưng kèm theo đó là điều kiện phát triển của thị trường mở cũng như yêu cầu hoạt động thường xuyên để NHNN có thể thu thập, xử lý thông tin và thực hiện nghiệp vụ thị trường mở sao cho hoạt động trên thị trường tiền tệ không vượt quá tầm kiểm soát của NHNN và đi đúng mục đích của chính sách tài chính tiền tệ.

3.2 Cơ chế quản lý tỷ giá hối đoái

Hiện nay, trên thế giới còn tồn tại nhiều chế độ tỷ giá hối đoái khác nhau, nhưng trong điều kiện hội nhập và quốc tế hóa ngày nay, xu hướng tiến tới tự do hóa tỷ giá hối đoái đang được Chính phủ các quốc gia theo đuổi. Xét trên bình diện quản lý vĩ mô thì NHNN VN đang thực hiện chế độ tỷ giá linh hoạt, có sự kiểm soát của Nhà nước, đây có thể nói là một lựa chọn đúng đắn của Nhà nước trong điều kiện quá trình hội nhập của VN với thế giới còn nhiều cách biệt. Nếu lựa chọn chế độ tỷ giá thả nổi tự do thì điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của chúng ta chưa cho phép, còn nếu lựa chọn chính sách điều hành tỷ giá theo kiểu "an toàn" thì không thể tránh khỏi những áp đặt mang tính hành chính vào quản lý tỷ giá - điều mà chúng ta đang cố gắng thay đổi để thích ứng dần với việc điều hành nền kinh tế theo các qui luật phát triển. Điều kiện nêu trên đặt ra những yêu cầu đối với Nhà nước trong việc lựa chọn và điều hành tỷ giá phải hết sức linh hoạt, thích ứng dần với hội nhập và tạo động lực phát triển kinh tế.

3.2.1 Xác định đúng giá trị của đồng VN

Từ lâu đồng tiền VN (VND) đã có quan hệ tỷ giá chính thức với đồng đôla Mỹ (USD), để ấn định tỷ giá này, NHNN căn cứ vào tỷ giá của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng để công bố tỷ giá hàng ngày, đây cũng là cơ sở pháp lý để các TCTD đưa ra mức tỷ giá cụ thể trong giao dịch với khách hàng. Như vậy, tỷ giá VND chủ yếu được đánh giá thông qua sự biến động của VND so với USD, điều này phản ánh đúng thực trạng giao dịch ngoại hối của VN, các hoạt động thanh toán bằng USD chiếm tỷ trọng

cao, tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào một ngoại tệ duy nhất là USD để xác định giá trị bản tệ thì quá mạo hiểm đối với việc hoạch định chính sách vĩ mô. Vì vậy, chúng ta nên xem xét lại khả năng xác định linh hoạt tỷ giá VND tương ứng với một rổ tiền tệ là các ngoại tệ mạnh có tham gia thương mại với VN, có như vậy, đồng tiền VN mới được xác định đúng giá trị và giảm thiểu tâm lý sùng bái USD, dẫn đến tình trạng đôla hóa nền kinh tế của đại bộ phận dân cư hiện nay.

3.2.2 Nới lỏng biên độ tỷ giá và tiến tới loại bỏ các công cụ kiểm soát tỷ giá mang tính hành chính

Năm 2005, NHNN vẫn qui định biên độ tỷ giá đối với các TCTD kinh doanh ngoại tệ theo hướng nới lỏng biên độ hơn, hướng đi này giống như một bước thực tập cho các NHTM làm quen dần với việc kinh doanh tiền tệ theo cơ chế cạnh tranh bình đẳng và sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá, giảm thiểu tình trạng bị sốc do các biến động. Sau đó, Nhà nước sẽ tiến hành loại bỏ qui định mang tính hành chính áp đặt và đẩy mạnh việc sử dụng các công cụ quản lý gián tiếp trong điều hành tỷ giá hối đoái, các TCTD được tự do quyết định giá mua bán ngoại tệ trên cơ sở qui luật cung - cầu trên thị trường ngoại hối, các bước tiến hành như trên sẽ giúp cho các NHTM phát huy tính tự chủ và khả năng hội nhập thị trường tài chính quốc tế theo đúng tiến trình.

3.2.3 Sử dụng công cụ gián tiếp để điều chỉnh tỷ giá trên thị trường

Muốn cho công cụ điều chỉnh gián tiếp của NHNN thông qua nghiệp vụ trên TTNTLNH có tác dụng, điều kiện cần là TTNTLNH phải thực sự tạo niềm tin cho các NHTM bằng cách biến đây thành chỗ dựa của họ và nhu cầu được tham gia giao dịch ngoại tệ trên thị trường trở nên không thể thiếu. Hệ thống thanh toán liên ngân hàng cần được đầu tư đúng mức để đạt được hiệu quả nhất, tiết kiệm thời gian cũng như nhân lực, đồng thời giúp cho cả NHNN và các NHTM có thể cập nhật những thông tin thị trường và ra quyết định nhanh nhất trong giao dịch trên thị trường này. Có như vậy, các nghiệp vụ ngoại hối mới có thể được thực hiện và phát triển trên thị trường, tránh sự đơn điệu về nghiệp vụ ngoại hối hiện nay của TTNTLNH và

công cụ điều chỉnh của Nhà nước thông qua thị trường này mới có tác dụng.

3.3 Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng

3.3.1 Đối với ngân hàng Nhà nước

- Cấu trúc lại tổ chức của NHNN từ Trung ương xuống chi nhánh theo hướng tinh gọn, hiện đại, tránh sự can thiệp của chính quyền các cấp.

- Xây dựng và từng bước hoàn thiện các khung pháp lý đảm bảo sự bình đẳng cho hoạt động của các tổ chức tín dụng hoạt động trên lãnh thổ VN.

- Xóa bỏ cơ chế bao cấp đối với các NHTM, đặc biệt là đối với các NHTM quốc doanh, buộc các ngân hàng này phải thực sự hoạt động theo nguyên tắc thị trường, xóa bỏ dần cơ chế tín dụng chỉ định, giao nghiệp vụ tín dụng ưu đãi theo chính sách của nhà nước cho các ngân hàng chính sách.

- Lãi suất và tỷ giá hối đoái được thỏa thuận theo quan hệ cung cầu trên thị trường, thực hiện kiểm soát gián tiếp thông qua các công cụ của chính sách tiền tệ.

- Tiêu chuẩn hóa cán bộ, công chức ngân hàng.

- Xây dựng hệ thống thông tin tài chính hiện đại, đảm bảo cho hệ thống tài chính hoạt động an toàn và hiệu quả, dễ giám sát theo thông lệ quốc tế.

- Rà soát lại toàn bộ những qui định về việc thành lập, hoạt động của các tổ chức tín dụng trong nước cũng như nước ngoài... áp dụng linh hoạt các công cụ dự trữ bắt buộc, cho vay tái chiết khấu và nghiệp vụ thị trường mở.

3.3.2 Đối với các ngân hàng thương mại

Yêu cầu đối với các NHTM là :

- Các ngân hàng phải có qui mô đủ lớn, hoạt động an toàn, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao.

- Phân bổ và huy động vốn một cách có hiệu quả.

- Nâng cao năng lực quản lý và tiềm lực tài chính của các NHTM trên cơ sở cơ cấu lại tài chính bao gồm : xử lý nợ quá hạn, đẩy mạnh tái đầu tư và cơ cấu lại sở hữu nhằm tăng vốn điều lệ.

- Hiện đại hóa hoạt động ngân hàng, xây dựng và áp dụng cơ chế kiểm tra kiểm soát nội bộ theo thông lệ quốc tế.

- Tạo sức cạnh tranh, mở rộng thị phần trong nước và tranh thủ thời cơ mở thị trường kinh doanh ra nước ngoài.

3.4 Tiến hành cổ phần hóa NHTMQD

Tiến trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng và lành mạnh hóa tài chính quốc gia đòi hỏi phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, các giải pháp lớn cần tiến hành như : xử lý nợ đọng, tăng vốn điều lệ... của hệ thống ngân hàng rất cần sự trợ giúp của Chính phủ và các cơ quan chức năng, tuy nhiên, để hệ thống ngân hàng có thể giữ được sự phát triển ổn định, đủ sức cạnh tranh trong môi trường mở cửa, ngăn ngừa sự phát sinh nợ xấu thì bản thân hệ thống ngân hàng cần có những nỗ lực hơn, nhất là các NHTMQD - những ngân hàng vốn chiếm ưu thế về thị phần và lượng vốn trong hệ thống ngân hàng VN.

Để thu hút nguồn vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài, Nhà nước có thể cho phép các nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của NHTMQD với lượng cổ phần tối đa không được vượt quá một tỷ lệ qui định, nhằm tránh tình trạng bị thâm tóm bởi các tập đoàn tư bản nước ngoài do chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc điều hành cũng như tổ chức hoạt động của một NHTM hiện đại. Bán cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài, phát triển về vốn hoạt động ngân hàng, chúng ta có thể thuê các tổ chức tài chính quốc tế thực hiện việc cấu trúc lại hoạt động NHTM theo tiêu chuẩn của NHTM quốc tế hiện đại. Có như vậy, NHTM của VN mới trở thành một NHTM hiện đại đích thực, có khả năng cạnh tranh và vươn ra thị trường quốc tế.

Xu hướng tất yếu khách quan ngày nay là hòa nhập kinh tế toàn cầu, gắn liền với quá trình tự do hóa thương mại và dòng vốn lưu chuyển không biên giới. Nếu tách biệt ra khỏi quá trình này, một quốc gia không thể đạt được sự phát triển cao và bền vững. Đối với VN, đổi mới trong chính sách tài chính là một bộ phận cấu thành của tiến trình hòa nhập kinh tế thế giới nên thành công của việc thực hiện chính sách tài chính sẽ góp phần không nhỏ vào thành công của công cuộc đổi mới nền kinh tế - xã hội... có như vậy, VN mới có thể thực hiện thành công tự do hóa tài chính - một bước tiến quan trọng, một xu thế tất yếu của quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế trong giai đoạn hiện nay ■

Một số biện pháp chủ yếu góp phần hoàn thiện luật thuế GTGT đến năm 2020

NGUYỄN VĂN CÔNG

1. Bối cảnh quốc tế và định hướng kinh tế - xã hội tác động đến xu hướng hoàn thiện thuế GTGT ở nước ta

Xu thế hội nhập, liên kết phát triển kinh tế trong khu vực và tiếp tới toàn cầu hóa kinh tế ngày càng ở mức độ cao là tất yếu khách quan. Theo đó, các cam kết hội nhập quốc tế mà nước ta đã ký sẽ được thực hiện ở mức độ cao hơn giai đoạn vừa qua như: Đối với Hiệp định CEPT/AFTA đến năm 2006 sẽ hoàn thành cắt giảm thuế nhập khẩu hơn 80% dòng thuế xuống mức thuế suất 0% và đến năm 2015 sẽ áp dụng cho tất cả các mặt hàng, trừ một số mặt hàng có thể linh hoạt, nhưng thời hạn cuối cùng không vượt qua năm 2018; đối với Hiệp định Việt - Mỹ thì 224 dòng thuế nhập khẩu sẽ giảm bình quân 30%. Hiện nay, VN đang có các chương trình cắt giảm thuế quan chuẩn bị cho tiến trình thực hiện tự do hóa thương mại và đầu tư APEC vào năm 2020 và sẽ gia nhập WTO vào năm 2006. Điều này làm ảnh hưởng giảm thuế nhập khẩu là rất lớn (dự kiến giảm thuế nhập khẩu do hội nhập đến năm 2010 sẽ lên tới 49,7 nghìn tỷ đồng). Trước tình hình đó, đòi hỏi hệ thống thuế phải tiếp tục hoàn thiện cho phù hợp để vừa bảo hộ hợp lý có chọn lọc trong sản xuất trong nước, khuyến